TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2020
V/v: " Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Hoàng Nam
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: số nhà 907, đường Lâm Quang K, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn vào ngày 31/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khi chị sinh con thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân anh B không chăm lo cho chị và con, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau và đỉnh điểm là anh B đuổi chị về nhà cha mẹ ruột sống vì bản thân anh không còn đủ khả năng để nuôi chị và con. Từ đó, chị và con đã bỏ đi và ly thân

với anh B từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy, chị và anh B không thể nào hàn gắn để duy trì cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nên chị yêu cầu ly hôn anh B. Về con chung, chị xác định chị và anh B có một con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 17/02/2016, hiện chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa, chị xác định không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Lý do hiện tại chị đã có nghề nghiệp và công việc làm ổn định có thể đảm bảo nuôi con tốt không cần phải có sự cấp dưỡng của anh B. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị D và anh B là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G chứng nhận kết hôn. Chị D cho rằng anh B thay đổi tính ý, không có trách nhiệm với gia đình nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn anh B là có cơ sở, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị D được ly hôn anh B.

Về con chung, chị D xác định chị và anh B có một con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 17/02/2016, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh B cũng không ý kiến gì đối với con và xét thấy kể từ khi chị D và anh B ly thân nhau, cháu K sống với chị D, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, bản thân chị D hiện cũng có nghề nghiệp với mức thu nhập ổn định nên có căn cứ để xác định chị D có đủ khả năng nuôi con tốt. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 17/02/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên Tòa chị D rút lại yêu cầu này nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về tài sản và nợ chung: chị D không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

Về án phí, buộc chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều D khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn B nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại huyện G nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

Anh Nguyễn Văn B với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, anh B cũng biết được thông tin chị D khởi kiện đơn phương xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh B cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị D trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng kể từ khi sinh con, chị ở nhà chăm con nên một mình anh B làm việc. Từ đó, đời sống kinh tế gia đình khó khăn làm cho mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Anh B đã đuổi xua chị và con về nhà cha mẹ ruột sống vì cho rằng anh không còn khả năng nuôi nổi. Nhưng đây chỉ là ý kiến của riêng chị D, anh B không có ý kiến gì. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*. Nhưng anh B không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Mặc khác, chị D cũng xác định chị không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh B đã đến mức trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị D khởi kiện xin ly hôn, anh B cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ rằng anh B, chị D đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng nên chị D yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị D

[2.2]Về con chung, chị D xác định chị và anh B có một con chung tên Nguyễn Anh Khôi, sinh ngày 17/02/2016. Anh B không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ là giấy khai sinh của cháu Khôi do chị D cung cấp đã thể hiện chị D, anh B là cha mẹ của cháu Khôi. Nên có căn cứ xác định cháu Nguyễn Anh Khôi, sinh ngày 17/02/2016 là con chung của anh chị. Xét yêu cầu của chị D về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng, cháu Khôi sống với chị D, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Đến thời điểm xét xử, không có tài liệu chứng cứ nào để xác định chị D không đủ điều kiện để nuôi con. Chị D cũng xác định hiện tại chị đã có nghề nghiệp và nơi làm việc ổn định, có thể tạo thu nhập để nuôi dạy con tốt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Nguyễn Anh Khôi cho chị D

tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ cháu Khôi không ai có quyền cản trở.

Về yêu cầu buộc cấp dưỡng nuôi con, quá trình khởi kiện chị D có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên Tòa hôm nay, chị xác định rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu buộc cấp dưỡng của chị D là hoàn toàn tự nguyện và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh B nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị D.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003267 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 , Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn anh Nguyễn Văn B

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Khôi, sinh ngày 17/02/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D về việc buộc anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật .

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003267 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, chị D được tính kể từ ngày tuyên án (ngày

28/10/2020), anh B được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa